

Số: **76** /2014/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **08** tháng **10** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn
lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 10 năm 2012;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Xét Tờ trình số 3813/TTr-SCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về xử lý công trình xây dựng vi phạm bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội ban hành: “Quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến

trúc, Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Công an Thành phố, Bộ tư lệnh Thủ đô; Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia; Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HỘND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP Hà Nội;
- Tập đoàn điện lực VN;
- Tổng Công ty truyền tải Điện Quốc gia;
- Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng: CT, TH, TNMT, QHXD;
- Lưu: VT, CT.

26262 - 10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *H*
PHÓ CHỦ TỊCH *H*



Nguyễn Ngọc Tuấn

QUY ĐỊNH

**Xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn
lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 76 /2014/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nguyên tắc, biện pháp xử lý các công trình xây dựng vi phạm pháp luật về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (sau đây viết tắt là HLBVATLĐCA); quy định về HLBVATLĐCA; trách nhiệm kiểm tra, xử lý công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực hoặc xây dựng công trình có liên quan đến HLBVATLĐCA trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ được sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Công trình lưới điện cao áp bao gồm lưới điện cao áp và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, áp dụng cho lưới điện có điện áp danh định từ 6 kV trở lên.

2. Trạng thái võng cực đại của dây dẫn điện là trạng thái tính toán dây dẫn khi đồng thời chịu tác động khắc nghiệt nhất của các yếu tố ảnh hưởng như dòng điện qua dây dẫn, nhiệt độ môi trường xung quanh, tải trọng gió.

3. Đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp là các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật có quản lý vận hành lưới điện cao áp.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm quy định về bảo vệ HLBVATLĐCA đều phải được xử lý kịp thời và triệt để. Hậu quả do hành vi vi phạm gây ra phải được khắc phục đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm bị xử lý có hành vi chống đối người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh thi hành quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực mà không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng theo thẩm quyền các vi phạm liên quan đến HLBVATLĐCA thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định.

Điều 4. Công trình xây dựng vi phạm về HLBVATLĐCA:

1. Công trình được xây dựng sau khi đã có công trình lưới điện cao áp mà toàn bộ hoặc một phần của công trình nằm trong HLBVATLĐCA không thoả mãn các điều kiện tại Điều 6 của Quy định này.

2. Công trình lưới điện cao áp có HLBVATLĐCA do xây dựng, quản lý, vận hành không đảm bảo yêu cầu dẫn đến xâm phạm quyền sử dụng đất, sở hữu nhà hợp pháp có trước của các tổ chức và cá nhân đủ điều kiện tồn tại trong HLBVATLĐCA.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH VỀ HÀNH LANG BẢO VỆ
AN TOÀN LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 5. Quy định về HLBVATLĐCA đối với đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm và trạm điện

Hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện trên không, đường cáp điện ngầm và trạm điện được quy định tại Điều 11, Điều 14, Điều 15 của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. Cụ thể như sau:

1. Hành lang bảo vệ an toàn của đường dây dẫn điện trên không được quy định như sau:

a) Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

b) Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần			
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m	7,0 m

c) Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

2. Hành lang bảo vệ an toàn các loại cáp điện đi trên mặt đất hoặc treo trên không được giới hạn về các phía là 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng.

3. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm được quy định như sau:

3.1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.

3.2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:

a) Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:

Loại cáp điện	Đặt trực tiếp trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách	1,0 m	1,5 m	20,0 m	100,0 m

3.3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:

a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.

4. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện được quy định như sau:

a) Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m

b) Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kè bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều này.

c) Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ có vỏ bằng kim loại thì hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.

d) Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải đảm bảo không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

Điều 6. Quy định về nhà ở, công trình xây dựng được phép tồn tại trong hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không.

Nhà ở, công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được quy định tại Điều 13 của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 51, Luật Điện lực. Cụ thể như sau:

1. Nhà ở, công trình xây dựng được tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy;
- b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các bộ phận công trình lưới điện cao áp;
- c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình xây dựng đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một (01) mét và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một (01) mét.

2. Đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện trên, các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình còn phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất.

3. Không cho phép tồn tại nhà ở và công trình có người thường xuyên sinh sống, làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp từ 500 kV trở lên, trừ những công trình chuyên ngành phục vụ vận hành lưới điện đó.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM XỬ LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VI PHẠM HLBVATLĐCA

Điều 7. Trách nhiệm của UBND phường, xã, thị trấn

1. Kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời theo thẩm quyền ngay từ đầu đối với các công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA.
2. Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA trên địa bàn.
3. Báo cáo kịp thời những công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA vượt quá thẩm quyền xử lý với Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA quận, huyện, thị xã.

Điều 8. Trách nhiệm của UBND quận, huyện, thị xã

1. Thành lập Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA quận, huyện, thị xã để chỉ đạo xử lý các vi phạm trên địa bàn. Thành phần Ban chỉ đạo quận, huyện, thị xã gồm:

Trưởng Ban chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã

Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Kinh tế

Các Ủy viên là đại diện: phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Quản lý đô thị; Công an, Công ty Điện lực quận, huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn.

Trường hợp cần thiết có thể bổ sung một số thành viên khác.

Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA quận, huyện, thị xã hoạt động theo Quy chế do Trưởng Ban chỉ đạo ban hành.

2. Chủ trì phối hợp với các Đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp rà soát, thống kê các công trình vi phạm an toàn lưới điện cao áp, xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo có các giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu hàng năm giảm tối thiểu 30% số vụ vi phạm cũ, không để tồn tại vi phạm mới.

3. Chỉ đạo UBND phường, xã, thị trấn thực hiện công tác kiểm tra nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm ngay từ đầu đối với các trường hợp vi phạm HLBVATLĐCA.

4. Tuyên truyền rộng rãi về tầm quan trọng của lưới điện cao áp và các biện pháp bảo vệ công trình lưới điện cao áp; kiểm tra, xử lý các vi phạm HLBVATLĐCA đồng thời tổ chức quản lý, bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố nếu để phát sinh vi phạm trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương

1. Thường trực Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA Thành phố; tham mưu UBND Thành phố ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban chỉ đạo Thành phố; thành lập tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo Thành phố.

2. Tổ chức quản lý, bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì cùng UBND quận, huyện, thị xã rà soát, tổng hợp các trường hợp công trình không đủ điều kiện tồn tại trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, đề xuất phương án báo cáo UBND Thành phố quyết định.

4. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra đôn đốc UBND quận, huyện, thị xã xử lý các công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA đúng quy định.

5. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến HLBVATLĐCA theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Xây dựng

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở thực hiện việc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác kiểm tra, lập biên bản xử lý các công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA của lực lượng Thanh tra xây dựng tại các quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Cấp phép và hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng đảm bảo HLBVATLĐCA theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị Điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp

1. Cung cấp sơ đồ mặt bằng lưới điện cao áp đang vận hành trên địa bàn cho UBND quận, huyện, thị xã.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA theo đúng quy định.

3. Tổ chức quản lý, bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thuộc lưới điện do đơn vị quản lý. Thường xuyên kiểm tra công trình lưới điện cao áp, phát hiện các vi phạm HLBVATLĐCA; lập biên bản vi phạm và đề nghị xử lý vi phạm gửi đến các cơ quan chức năng: UBND xã, phường, thị trấn, Ban chỉ đạo xử lý vi phạm

HLBVATLĐCA quận, huyện, thị xã và Thường trực Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA Thành phố.

4. Lập phương án cải tạo lưới điện theo Quy hoạch nhằm khắc phục tình trạng vi phạm HLBVATLĐCA của công trình xây dựng theo đề nghị của chủ đầu tư công trình (trong trường hợp Chủ công trình xây dựng vi phạm tự nguyện bỏ kinh phí di chuyển, cải tạo công trình lưới điện cao áp) và phải có xác nhận bằng văn bản của chính quyền địa phương có công trình cải tạo.

5. Khi cải tạo và xây dựng công trình lưới điện cao áp phải thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ.

6. Phải tháo dỡ thu hồi các kết cấu của lưới điện và hoàn trả mặt bằng trong vòng 06 tháng kể từ khi lưới điện được tách khỏi hệ thống điện đối với công trình lưới điện do ngành điện quản lý.

7. Ngừng cấp điện đối với các công trình xây dựng vi phạm theo quy định; thông báo cho các hộ sử dụng điện xung quanh không được cấp điện cho công trình vi phạm.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Thủ trưởng cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm: Khi cấp phép đối với công trình xây dựng ảnh hưởng đến HLBVATLĐCA phải yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý vận hành lưới điện về các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và vận hành lưới điện.

2. Giám đốc Công an Thành phố, Tư lệnh Bộ tư lệnh Thủ đô có trách nhiệm: Chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn lưới điện cao áp trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; phối hợp với các Sở, Ngành của Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã và UBND xã, phường, thị trấn, xử lý các vi phạm HLBVATLĐCA theo quy định.

3. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bố trí ngân sách đảm bảo cho hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA Thành phố.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan hướng dẫn việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

4. Các cơ quan truyền thông

Đài Phát thanh Truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế đô thị và các cơ quan thông tin truyền thông khác của Thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia, tuyên truyền về tầm quan trọng của lưới điện cao áp và công tác bảo vệ HLBVATLĐCA của Thành phố.

CHƯƠNG IV

KIỂM TRA XỬ LÝ CÔNG TRÌNH VI PHẠM HLBVATLĐCA

Điều 13. Kiểm tra, lập Biên bản vi phạm và ra Quyết định xử phạt

1. Kiểm tra viên điện lực Sở Công Thương, Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội thực hiện công tác kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực thì lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Thanh tra điện lực Sở Công Thương kiểm tra, phát hiện, hoặc khi được các tổ chức, cá nhân thông báo công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA có trách nhiệm

lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực và ra Quyết định xử phạt theo thẩm quyền.

3. Thanh tra xây dựng kiểm tra, phát hiện hoặc khi được các tổ chức, cá nhân thông báo công trình xây dựng vi phạm HLBVATLĐCA thì lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, hoàn thiện hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý.

4. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Chánh Thanh tra xây dựng Thành phố ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực theo thẩm quyền.

Điều 14. Hồ sơ xử lý vi phạm

Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực được áp dụng theo Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện áp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính gồm:

1. Biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;
2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;
3. Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực điện lực (nếu có);
4. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực (nếu có);
5. Các hồ sơ pháp lý có liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; các hồ sơ theo quy định đối với hoạt động xây dựng (quyết định đầu tư, thiết kế, giấy phép xây dựng công trình....).

Điều 15. Xử lý các công trình xây dựng vi phạm

1. Đình chỉ thi công xây dựng công trình; Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực; Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành và buộc cá nhân, tổ chức vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm.

2. Cải tạo công trình lưới điện cao áp nhằm khắc phục tình trạng vi phạm HLBVATLĐCA hoặc công trình xây dựng để đáp ứng các điều kiện được tồn tại trong HLBVATLĐCA theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong công tác bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp có thành tích xuất sắc thì được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp do thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định của Nhà nước gây thiệt hại cho người dân, cho đơn vị, gây mất an toàn cho lưới điện sẽ bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch hoặc buộc thôi việc và phải bồi thường

thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý vi phạm HLBVATLĐCA Thành phố được cấp từ ngân sách Thành phố, Sở Công Thương có trách nhiệm lập dự toán và quản lý kinh phí hoạt động hàng năm theo quy định.

2. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo quận, huyện, thị xã được cấp từ ngân sách quận, huyện, thị xã. Phòng Kinh tế quận, huyện, thị xã có trách nhiệm lập dự toán và quản lý kinh phí hoạt động theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện xử lý vi phạm của UBND xã, phường, thị trấn được cấp từ ngân sách xã, phường, thị trấn và ngân sách quận, huyện, thị xã.

Điều 18. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các tổ chức, cá nhân trong việc xử lý vi phạm HLBVATLĐCA được thực hiện theo Luật Khiếu nại, tố cáo và các văn bản liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Công Thương có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này; báo cáo định kỳ (6 tháng, cả năm) và theo yêu cầu đối với UBND Thành phố và Bộ Công Thương.

2. UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn, thực hiện báo cáo định kỳ (quý, năm) và theo yêu cầu về tình hình vi phạm, công tác xử lý vi phạm HLBVATLĐCA trên địa bàn với Sở Công Thương.

3. Các đơn vị Điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp tổ chức thực hiện Quy định này; thực hiện báo cáo định kỳ (quý, năm) và theo yêu cầu về tình hình vi phạm, công tác xử lý vi phạm HLBVATLĐCA trong phạm vi quản lý vận hành với UBND quận, huyện, thị xã quản lý địa bàn nơi xảy ra vi phạm và với Sở Công Thương.

Trong quá trình thực hiện quy định, nếu vướng mắc các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để được hướng dẫn thực hiện đồng thời báo cáo UBND Thành phố để bổ sung, điều chỉnh kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *HT*

PHÓ CHỦ TỊCH *HT*



Nguyễn Ngọc Tuấn